TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 337/2025/DSST
Ngày: 26 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 07 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐHPT-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V
Trụ sở: số H đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:
Ông Ngô Đa Huỳnh H, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo văn bản ủy quyền số 1167/2025/UQ-VPB ngày 21/3/2025 của Ngân hàng TMCP V).

Bị đơn: Ông Trương Bá Huỳnh Thiên N, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Căn cước số: 056082000087
Địa chỉ: 3 Tầng D, Chung cư T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/09/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Đa Huỳnh H trình bày:

Ngày 14/09/2023, ông Trương Bá Huỳnh Thiên N và Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V1) ký hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm

hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LN2309150264263) với số tiền vay là 866.310.160 đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất điều chỉnh do V1 quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông Trương Bá Huỳnh Thiên N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/10/2023. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông Trương Bá Huỳnh Thiên N trả nợ nhưng ông N vẫn cố tình trốn tránh, không trả nợ cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 26/8/2025 ông N còn nợ V1 tổng số tiền là 1.491.320.899 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 866.310.160 đồng và nợ lãi là 625.010.739 đồng.

Ngoài ra ông Trương Bá Huỳnh Thiên N còn ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V1 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 04/01/2019, hạn mức là 24.000.000 đồng, do ông N vi phạm nghĩa vụ nên ngân hàng đã khoá thẻ và tạm tính đến ngày 26/8/2025 ông N còn nợ là 104.144.584 đồng, trong đó nợ gốc là 32.779.934 đồng, nợ lãi là 71.364.650 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Bá Huỳnh Thiên N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 1.595.465.483 đồng, bao gồm nợ gốc là 899.090.094 đồng, nợ lãi 696.375.389 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Trương Bá Huỳnh Thiên N đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng V1 có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trương Bá Huỳnh Thiên N vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trương Bá Huỳnh Thiên N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ

ngân hàng điện tử và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ2. Quá trình sử dụng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V1 yêu cầu bị đơn ông Trương Bá Huỳnh Thiên N trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Trương Bá Huỳnh Thiên N có hộ khẩu thường trú tại phường D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[1.1] Xét, Văn bản ủy quyền số 872/2024/VBUQ-VPB ngày 16/09/2024 của Ngân hàng V1 ủy quyền cho ông Ngô Đa Huỳnh H tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo kết quả xác minh của Công an phường D, Thành phố Hồ Chí Minh "*Đương sự Trương Bá Huỳnh Thiên N, số căn cước 056082000087, sinh ngày 25/10/1982 có hộ khẩu thường trú tại 3.1 Tầng D C/c T, G T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Công dân khai nơi ở hiện tại căn hộ 03 OT12A, Landmark, số B N phường T, Thành phố Hồ Chí Minh". Tại kết quả xác minh* của Công an phường T, "*Đương sự Trương Bá Huỳnh Thiên N, số căn cước 056082000087, sinh ngày 25/10/1982 không đăng ký thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại căn hộ 03 OT12A, Landmark, số B N phường T, Thành phố Hồ Chí Minh*. *Hiện cư trú tại đâu không rõ*" Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú*". Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộluật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, ông Ngô Đa Huỳnh H là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trương Bá Huỳnh Thiên N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Trương Bá Huỳnh Thiên N vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và

phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LN2309150264263) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 005-P-3680035 ngày 04/01/2019 giữa Ngân hàng V1 với ông Trương Bá Huỳnh Thiên N được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ phần II của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LN2309150264263) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 005-P-3680035 ngày 04/01/2019 đều có quy định về thời hạn trả nợ gốc. Trong quá trình thực hiện đối với hợp đồng tín dụng số DSA/VN00100325/20230939 (LN2309150264263) ông N chưa thanh toán số tiền nợ gốc; đối với hợp đồng về thẻ tín dụng ông N đã thanh toán nợ gốc là 212.400.260 đồng, từ đó đến nay ông N thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ, vi phạm về thời hạn thanh toán nên ngày 15/10/2023 Ngân hàng V1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông N chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Căn cứ bản tự khai, bản chi tiết tính lãi tiền vay của Ngân hàng V1 cung cấp ngày 26/8/2025, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền nợ gốc của ông Trương Bá Huỳnh Thiên N đối với thẻ tín dụng là 32.779.934 đồng và hợp đồng tín dụng là 866.310.160 đồng. Tổng số tiền nợ gốc là 899.090.094 đồng ***(1).***

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông N đã thanh toán cho V1 số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số DSA/VN00100325/20230939 (LN2309150264263) là 3.600.198 đồng và H1 đồng tín dụng số 005-P-3680035 là 63.482.448 đồng. Căn cứ bảng kê chi tiết tính lãi và theo phần II quy định về trả nợ lãi của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/9/2023 và Điều 6 Phần D – Bản điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định áp dụng tính lãi trong hạn và quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà ông N đang sử dụng được áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định của ngân hàng V1. Nguyên đơn yêu cầu ông N trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/8/2025 là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số DSA/VN00100325/20230939 (LN2309150264263) ngày 14/9/2023, số tiền lãi là 696.375.389 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng (thẻ tín dụng) số 005-P-3680035 ngày 04/01/2019, số tiền lãi là 71.364.650 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà ông N phải trả là 696.375.389 đồng ***(2)***, là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 27/8/2025 cho đến khi ông N thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất thoả thuận quy định trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LN2309150264263) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 005-P-3680035 ngày 04/01/2019 giữa Ngân hàng V1 và ông N.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

[1.1] Buộc bị đơn ông Trương Bá Huỳnh Thiên N có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 1.595.465.483 (Một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 899.090.094 (T trăm chín mươi chín triệu, không trăm chín mươi nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng), nợ lãi 696.375.389 (Sáu trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng).

[1.2] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 27/8/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến khi ông N trả xong các khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ (LN2309150264263) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 005-P-3680035 ngày 04/01/2019 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 59.863.964 (Năm mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi bốn đồng), ông Trương Bá Huỳnh Thiên N phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.150.562 (Hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0075228 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV4-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Nguyễn Phương Lan